

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Dự án Luật Luật sư (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật), Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 78/2025/NĐ-CP), theo đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo tại Công văn số 701/BTTP-LSTVPL ngày 03/6/2026, trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ dự án Luật Luật sư (sửa đổi) (sau đây gọi là dự án Luật), kết quả cuộc họp Hội đồng thẩm định ngày 05/6/2026¹, Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định đối với dự án Luật như sau:

I. VỀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

Việc sửa đổi Luật Luật sư số 65/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 20/2012/QH13 (Luật Luật sư năm 2006) là cần thiết nhằm tiếp tục thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cải cách tư pháp, phát triển đội ngũ luật sư và thị trường dịch vụ pháp lý, nhất là các yêu cầu được xác định tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Kết luận số 69-KL/TW ngày 24/02/2020 của Ban Bí thư, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 và Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị. Đồng thời, việc xây dựng dự án Luật cũng nhằm thực hiện Chương trình lập pháp năm 2026 của Quốc hội, các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và cụ thể hóa các chính sách đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 121/NQ-CP ngày 06/5/2026.

Qua tổng kết thực tiễn thi hành Luật Luật sư năm 2006 cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, một số quy định của Luật hiện hành đã bộc lộ hạn chế, bất cập và chưa theo kịp yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Chất lượng đội ngũ luật sư tuy từng bước được nâng lên nhưng vẫn chưa đồng đều; cơ chế đào

¹ Hội đồng thẩm định được thành lập theo Quyết định số 1403/QĐ-BTP ngày 03/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; được mời họp theo Giấy mời số 708/GM-BTP ngày 03/6/2026 của Bộ Tư pháp. Tại cuộc họp thẩm định có mặt 28/34 thành viên; vắng 06/34 thành viên là đại diện: Văn phòng Chủ tịch nước; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Hội Luật gia Việt Nam; Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên; Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Bình; Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Tư pháp.

tạo, tập sự, cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư còn một số vướng mắc; hoạt động cung cấp dịch vụ pháp lý và tổ chức hành nghề luật sư phát sinh nhiều yêu cầu mới nhưng chưa được điều chỉnh đầy đủ; việc phân định giữa quản lý nhà nước và cơ chế tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư còn phát sinh một số khó khăn trong thực tiễn. Bên cạnh đó, yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân, hội nhập quốc tế, thực hiện phân cấp, phân quyền và vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp cũng đặt ra yêu cầu tiếp tục rà soát, hoàn thiện pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư.

Do đó, Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp thấy rằng việc xây dựng dự án Luật Luật sư (sửa đổi) là cần thiết, có cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn.

Tuy nhiên, để tiếp tục làm rõ hơn sự cần thiết ban hành Luật và nâng cao tính thuyết phục của hồ sơ dự án Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, bổ sung, làm rõ hơn một số nội dung sau:

Thứ nhất, tiếp tục rà soát, bổ sung và làm rõ hơn cơ sở chính trị, pháp lý của việc xây dựng dự án Luật, nhất là các định hướng mới được xác định tại Kết luận số 17-KL/TW ngày 02/4/2026 của Bộ Chính trị về định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI và Kế hoạch số 64/KH-UBTVQH16 ngày 22/5/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận số 17-KL/TW.

Thứ hai, tiếp tục rà soát, đánh giá đầy đủ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thi hành Luật Luật sư năm 2006 và các văn bản pháp luật có liên quan, nhất là các khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc thực hiện phân cấp, phân quyền theo Nghị định số 121/2025/NĐ-CP; việc thực hiện các chủ trương mới về sắp xếp tổ chức bộ máy, cải cách thủ tục hành chính và các khó khăn, vướng mắc đã được xác định tại Báo cáo số 76-BC/ĐU của Đảng ủy Bộ Tư pháp và Báo cáo số 594/BC-BTP của Bộ Tư pháp.

Thứ ba, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục làm rõ hơn mối quan hệ giữa các khó khăn, vướng mắc được tổng kết từ thực tiễn với các giải pháp chính sách được đề xuất trong dự thảo Luật, đặc biệt là các chính sách liên quan đến tiêu chuẩn luật sư, kỳ thi quốc gia về luật sư, luật sư tập sự, cơ chế tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư và cơ chế quản lý nhà nước trong lĩnh vực luật sư nhằm bảo đảm tính thuyết phục và cơ sở thực tiễn của các chính sách được đề xuất.

II. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VỚI CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG

Hội đồng thẩm định chưa phát hiện dự án Luật có nội dung trái với đường lối, chủ trương của Đảng có liên quan, bao gồm: Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới;

Kết luận số 69-KL/TW ngày 24/02/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của luật sư; Kết luận số 230-KL/TW ngày 05/01/2026 của Bộ Chính trị về Đề án sắp xếp, tinh gọn các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ... và cơ bản đáp ứng các định hướng bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội theo Kết luận số 17-KL/TW ngày 02/4/2026 của Bộ Chính trị.

Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát để bảo đảm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời và chính xác các chủ trương, định hướng của Đảng có liên quan, trong đó lưu ý một số nội dung sau:

1. Tiếp tục rà soát, bảo đảm các quy định của dự thảo Luật thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, định hướng mới của Đảng và Nhà nước về phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; đồng thời phù hợp với yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy, vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia trong giai đoạn hiện nay.

2. Tiếp tục rà soát các quy định về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư nhằm bảo đảm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, định hướng của Đảng và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về đổi mới tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng theo Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị, Thông báo Kết luận số 158-KL/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư, Kết luận số 230-KL/TW ngày 05/01/2026 của Bộ Chính trị và Thông báo số 136/TB-VPCP ngày 06/5/2022 của Văn phòng Chính phủ; đồng thời bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước với việc phát huy vai trò tự quản, tự chịu trách nhiệm của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư theo tinh thần Kết luận số 69-KL/TW của Ban Bí thư.

3. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ: (i) Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; (ii) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; (iii) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật” - Mục 3) và (iv) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ...

III. VỀ TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Về tính hợp hiến

Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp chưa phát hiện các quy định của dự thảo Luật có nội dung trái với quy định của Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội).

2. Về tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật

Qua rà soát, Bộ Tư pháp nhận thấy nội dung dự thảo Luật cơ bản bảo đảm tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, để tiếp tục hoàn thiện dự thảo, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát nội dung dự thảo Luật với các quy định pháp luật hiện hành, đặc biệt là các quy định có liên quan trực tiếp đến pháp luật về tố tụng, doanh nghiệp, quản lý thuế,... Trong đó đề nghị nghiên cứu, chỉnh lý một số nội dung sau:

2.1. Liên quan đến các quy định về tố tụng

- Khoản 1 Điều 9 Dự thảo Luật quy định: “*Người đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 7 của Luật này thì được gia nhập Đoàn Luật sư để tập sự hành nghề luật sư*”, đồng thời khoản 2 Điều 9 dự thảo quy định phạm vi hoạt động nghề nghiệp của luật sư tập sự bao gồm: “*Tham gia tố tụng trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân khu vực khi được khách hàng đồng ý*”. Việc thay chế định người tập sự hành nghề luật sư thành luật sư tập sự, đồng thời bổ sung quyền của luật sư tập sự nhằm bảo đảm cơ hội thực hành nghề trong thực tế là cần thiết, qua đó góp phần xây dựng và phát triển đội ngũ luật sư có chất lượng, bảo đảm năng lực chuyên môn.

Tuy nhiên, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 75 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 (sau đây gọi là Bộ luật Tố tụng dân sự) và khoản 2 Điều 61 Luật Tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Tố tụng hành chính) quy định: “*người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự...gồm: Luật sư tham gia tố tụng; Trợ giúp viên pháp lý hoặc người tham gia trợ giúp pháp lý; Công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có kiến thức pháp lý, chưa bị kết án hoặc bị kết án nhưng đã được xóa án tích, không thuộc trường hợp đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, Thanh tra, Thi hành án; công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan trong ngành Công an*”. Đồng thời, khi có đề nghị Tòa án làm thủ tục đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Tố tụng hành chính năm 2015 yêu cầu người đề nghị phải xuất trình các giấy tờ bao gồm:

“Luật sư phải xuất trình các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật Luật sư; Trợ giúp viên pháp lý hoặc người tham gia trợ giúp pháp lý xuất trình văn bản cử người thực hiện trợ giúp pháp lý của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và thẻ trợ giúp viên pháp lý hoặc thẻ luật sư; Công dân Việt Nam có đủ điều kiện xuất trình giấy yêu cầu của đương sự và giấy tờ tùy thân”.

Hội đồng thẩm định thấy rằng các quy định tại Bộ luật Tổ tụng dân sự và Luật Tổ tụng hành chính hiện chỉ quy định luật sư, trợ giúp viên pháp lý, người tham gia trợ giúp pháp lý, công dân Việt Nam đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tố tụng là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và trình tự, thủ tục đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đối với các chủ thể nêu trên mà chưa bao gồm nhóm “luật sư tập sự”. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý quy định tại Điều 9 Dự thảo theo hướng cho phép luật sư tập sự được thực hiện, tham gia các hoạt động hỗ trợ luật sư hướng dẫn trong quá trình tham gia tố tụng và các hoạt động nghề nghiệp khác theo quy định của pháp luật, qua đó bảo đảm phù hợp với các quy định tại Bộ luật Tổ tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính với vai trò *“là các luật có tính nền tảng là trung tâm của hệ thống pháp luật”* theo Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đặt ra yêu cầu.

- Khoản 5 Điều 18 Dự thảo Luật quy định: *“Cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp có quyền quyết định một bên phải chi trả toàn bộ hoặc một phần thù lao và chi phí hợp lý để thuê luật sư theo yêu cầu của bên kia”*. Tuy nhiên, căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 168 Bộ luật Tổ tụng dân sự quy định: *“Chi phí cho luật sư là khoản tiền phải trả cho luật sư theo thỏa thuận của đương sự với luật sư trong phạm vi quy định của tổ chức hành nghề luật sư và theo quy định của pháp luật”* và *“Chi phí cho người phiên dịch, luật sư do người có yêu cầu chịu, trừ trường hợp các bên đương sự có thỏa thuận khác”*. Hội đồng thẩm định thấy rằng Dự thảo Luật quy định cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp được quyền quyết định một bên phải chi trả chi phí thù lao, chi phí thuê luật sư theo yêu cầu của bên kia là chưa phù hợp với quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự, từ đó hạn chế quyền tự do thỏa thuận của các bên trong việc xác lập, thực hiện và chịu trách nhiệm đối với chi phí dịch vụ pháp lý. Trên cơ sở đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lược bỏ quy định trên để bảo đảm phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Dự thảo Luật và tính khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện.

2.2. Liên quan đến Luật Doanh nghiệp

- Qua rà soát, các Điều 19, 20, 21 và 22 dự thảo Luật quy định hình thức tổ chức hành nghề luật sư; việc cấp, cấp lại, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư; chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh, văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư; quyền, nghĩa vụ của

tổ chức hành nghề luật sư. Hiện nay, tổ chức hành nghề luật sư được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Luật sư và không đăng ký thành lập như doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Doanh nghiệp) do đây là tổ chức hành nghề chuyên ngành, có yêu cầu điều kiện, tiêu chuẩn gắn liền với tính chất, trách nhiệm nghề nghiệp của luật sư và chịu sự quản lý nhà nước trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp. Tuy nhiên, tại một số quy định của dự thảo Luật đang dẫn chiếu đến Luật Doanh nghiệp nhưng chưa xác định rõ phạm vi và mức độ áp dụng, như: khoản 2 Điều 20 quy định: *“Sau khi được cấp Giấy đăng ký hoạt động, tổ chức hành nghề luật sư được sử dụng con dấu theo quy định của Luật này và Luật Doanh nghiệp”*; điểm g khoản 4 Điều 20 quy định thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư trong *“các trường hợp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp”*; điểm e và điểm m khoản 1 Điều 22 quy định về quyền thành lập chi nhánh, văn phòng giao dịch, công ty con, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, chia, tách, tạm ngừng hoạt động, mô hình quản trị, phân chia lợi nhuận và các quyền khác theo Luật Doanh nghiệp.

Hội đồng thẩm định thấy rằng việc dẫn chiếu tại các quy định nêu trên chưa bảo đảm rõ ràng, dễ phát sinh vướng mắc trong việc cấp, cấp lại, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư theo quy định của Luật Luật sư và cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; đồng thời dẫn đến cách hiểu là áp dụng trực tiếp hoặc áp dụng toàn bộ Luật Doanh nghiệp đối với các quy định về quyền, nghĩa vụ của tổ chức hành nghề luật sư. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, cân nhắc việc dẫn chiếu quy định của Luật Doanh nghiệp đối với các nội dung có liên quan đến yêu cầu, điều kiện hành nghề đặc thù của tổ chức hành nghề luật sư.

- Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát một số quy định của dự thảo Luật để bảo đảm phù hợp với cơ chế đăng ký doanh nghiệp hiện hành. Cụ thể, khoản 4 Điều 20 Dự thảo Luật quy định các trường hợp Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư bị thu hồi, trong đó bao gồm trường hợp: *“không đăng ký mã số thuế trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động”*. Tuy nhiên, theo cơ chế đăng ký doanh nghiệp hiện nay, mã số doanh nghiệp được cấp khi thành lập doanh nghiệp và đồng thời được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ về thuế, thủ tục hành chính và các quyền, nghĩa vụ khác. Do đó, quy định về việc *“không đăng ký mã số thuế trong thời hạn 12 tháng”* cần được tiếp tục rà soát để bảo đảm thống nhất với cơ chế cấp, sử dụng mã số doanh nghiệp, mã số thuế hiện hành.

2.3. Liên quan đến Luật Viên chức và Luật Giáo dục đại học

- Điểm b khoản 2 Điều 10 và điểm b khoản 3 Điều 11 dự thảo Luật hiện đang đề cập về đối tượng: *“viên chức giữ ngạch giảng viên tại cơ sở đào tạo về*

pháp luật”. Hiện nay, theo quy định của Luật Viên chức số 129/2025/QH15 quy định viên chức là công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm, làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ hợp đồng làm việc (Điều 1) và vị trí việc làm là công việc gắn với chức vụ, chức danh viên chức trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập (khoản 5 Điều 4). Mặt khác, theo quy định tại Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 quy định giảng viên đại học là một chức danh và là “người giảng dạy tại cơ sở giáo dục đại học, đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Nhà giáo” (Khoản 1 Điều 29). Trên cơ sở các quy định nêu trên, đối với cụm từ “viên chức giữ ngạch giảng viên” được quy định tại dự thảo Luật chưa bảo đảm tính thống nhất về cách thể hiện thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức. Do đó, đề nghị cân nhắc không sử dụng khái niệm “viên chức giữ ngạch giảng viên tại cơ sở đào tạo về pháp luật” tại khoản 2 Điều 10 và khoản 3 Điều 11 Dự thảo.

- Khoản 2 Điều 7 dự thảo Luật quy định tiêu chuẩn luật sư bao gồm: “Có bằng từ cử nhân luật trở lên”. Trong khi đó, Điều 8 Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 quy định chương trình, văn bằng và chứng chỉ bao gồm: “Chương trình đào tạo trình độ đại học cấp bằng cử nhân; Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cấp bằng thạc sĩ hoặc tích hợp đại học và thạc sĩ cấp bằng tương ứng với trình độ đã hoàn thành; Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ cấp bằng tiến sĩ hoặc tích hợp thạc sĩ và tiến sĩ cấp bằng tương ứng với trình độ đã hoàn thành...”. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát quy định tại khoản 2 Điều 7 dự thảo Luật, bảo đảm phân biệt rõ giữa trình độ đào tạo (bao gồm trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ) và văn bằng (bao gồm bằng cử nhân, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ) được cấp theo quy định của Luật Giáo dục đại học; đồng thời nghiên cứu cách thể hiện phù hợp nhằm bảo đảm tính rõ ràng, thống nhất trong quá trình áp dụng pháp luật.

2.4. Liên quan đến Luật Trợ giúp pháp lý

Khoản 2 Điều 15 quy định về quyền, nghĩa vụ của luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam bao gồm trách nhiệm cung cấp “*trợ giúp pháp lý*”. Hiện nay, Điều 4 Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 05/2026/QH16 quy định: “*Trợ giúp pháp lý là trách nhiệm của Nhà nước*”. Đối với nội dung này, Hội đồng thẩm định thấy rằng quy định của dự thảo Luật chưa bảo đảm thống nhất với các quy định của Luật Trợ giúp pháp lý, đặc biệt là các quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động trợ giúp pháp lý. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý theo hướng không xác định trợ giúp pháp lý là nghĩa vụ bắt buộc của luật sư nước ngoài hoặc chỉnh lý quy định theo hướng khuyến khích luật sư nước ngoài tham gia trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý, hạn chế việc

mở rộng phạm vi nghĩa vụ, trách nhiệm của luật sư nước ngoài trong khi pháp luật chuyên ngành chưa có quy định cụ thể.

IV. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VỚI CHÍNH SÁCH ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA

Theo quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 33 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, việc soạn thảo dự án Luật của Quốc hội do Chính phủ trình thực hiện trên cơ sở các chính sách được Chính phủ thông qua. Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp thấy rằng dự thảo Luật đã cơ bản bảo đảm phù hợp với các chính sách đã được thông qua. Để tiếp tục hoàn thiện dự thảo, cụ thể hóa hơn nữa chính sách được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 121/NQ-CP, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung một số nội dung sau:

1. Về yêu cầu hoàn thiện khóa đào tạo nghề luật sư, qua rà soát cho thấy dự thảo Luật còn một số quy định kế thừa Luật Luật sư năm 2006, trong đó cho phép miễn đào tạo nghề luật sư đối với một số nhóm đối tượng cụ thể. Cụ thể, tại khoản 2 Điều 8 dự thảo Luật quy định: *“Thời gian đào tạo nghề luật sư là 12 tháng, trừ trường hợp được miễn, giảm thời gian đào tạo”*; khoản 3 Điều 7 dự thảo Luật quy định một trong các điều kiện là: *“Hoàn thành khóa đào tạo nghề luật sư, trừ trường hợp được miễn đào tạo nghề luật sư”*, đồng thời giao Chính phủ quy định việc miễn, giảm thời gian đào tạo nghề luật sư đối với người có kiến thức, kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật. Trong khi đó, tại chính sách 1 về xây dựng đội ngũ luật sư có bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp và năng lực chuyên môn; bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động hành nghề của luật sư (theo Báo cáo số 249/BC-BTP ngày 17/4/2026 của Bộ Tư pháp) đã đặt ra yêu cầu tất cả các đối tượng sẽ phải qua đào tạo nghề luật sư, đối với những người thuộc diện được miễn đào tạo nghề luật sư theo quy định hiện nay sẽ được giảm thời gian đào tạo nghề. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cụ thể hóa tối đa chính sách nêu trên của Nghị quyết số 121/NQ-CP đã được Chính phủ thông qua.

2. Về yêu cầu nâng cao năng lực, trách nhiệm tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư; nâng cao vai trò giám sát, phối hợp quản lý của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát các quy định liên quan đến tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Đoàn Luật sư và mối quan hệ giữa các tổ chức này với cơ quan quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để bảo đảm cụ thể hóa đầy đủ chính sách đã được Chính phủ thông qua, bảo đảm phát huy tối đa năng lực tự quản của Liên đoàn Luật sư Việt Nam và các Đoàn Luật sư.

V. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN; BẢO ĐẢM YÊU CẦU VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH; NGUỒN TÀI CHÍNH, NGUỒN NHÂN LỰC

1. Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Hội đồng thẩm định (trong đó có đại diện Bộ Ngoại giao) nhận thấy, nội dung dự án Luật không trái với các cam kết quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, bổ sung đánh giá để đảm bảo nội dung dự án Luật không trái với các điều ước quốc tế có liên quan, khẳng định nội dung này tại Tờ trình Chính phủ. Đồng thời, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp với Bộ Ngoại giao trong việc bảo đảm thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục, nghĩa vụ theo các cam kết trong các Hiệp định FTA và yêu cầu của WTO nêu tại Mục VI.2.

2. Về bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh

Hội đồng thẩm định (trong đó có đại diện Bộ Công an, Bộ Quốc phòng) chưa phát hiện quy định của dự thảo Luật có nội dung không bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an rà soát, bổ sung nội dung đánh giá về quốc phòng, an ninh tại Tờ trình Chính phủ, bảo đảm các quy định của dự thảo Luật đáp ứng yêu cầu về quốc phòng, an ninh, an ninh mạng, bảo đảm không tạo kẽ hở cho việc lợi dụng hoạt động tố tụng của luật sư nhằm mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

3. Về nguồn tài chính, nguồn nhân lực

- Đối với nguồn tài chính, thành viên Hội đồng thẩm định là Bộ Tài chính đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục làm rõ nguồn kinh phí và các nội dung khác liên quan đến kinh phí triển khai thi hành Luật tại dự thảo Tờ trình để làm cơ sở đánh giá điều kiện bảo đảm thi hành.

- Đối với nguồn nhân lực, thành viên Hội đồng thẩm định là Bộ Nội vụ chưa phát hiện nội dung làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế. Tuy nhiên, đối với nguồn nhân lực bảo đảm thực hiện Luật, Hội đồng thẩm định thấy rằng dự thảo Luật đã bổ sung một số nội dung, nhiệm vụ mới của chính quyền địa phương và có thể làm gia tăng đáng kể khối lượng công việc và yêu cầu về nguồn lực trong quá trình tổ chức thực hiện. Cụ thể, dự thảo Luật quy định các hoạt động như đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, đăng ký hành nghề; việc báo cáo về tổ chức và hoạt động của tổ chức mình hằng năm hoặc theo yêu cầu, báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động của chi nhánh hằng năm hoặc theo yêu cầu; báo cáo về tổ chức và hoạt động của luật sư hành nghề với tư cách cá nhân

hàng năm hoặc theo yêu cầu được thực hiện tại “*cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành ở địa phương*”. Đồng thời, dự án Luật hiện nay cũng có quy định việc cấp, cấp lại, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền của “*cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành ở địa phương*”.

Hội đồng thẩm định thấy rằng các nhiệm vụ này đều đòi hỏi nguồn lực và năng lực tổ chức thực hiện. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, đánh giá tác động của các quy định mới đối với nguồn nhân lực và các điều kiện bảo đảm thi hành, làm rõ nhu cầu kinh phí (bao gồm ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và nguồn lực xã hội hóa) và tính khả thi của việc triển khai trong bối cảnh sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và chủ trương tinh giản biên chế. Đồng thời, cần tiếp tục làm rõ cơ sở của việc xác định dự thảo Luật không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế và sử dụng nguồn nhân lực hiện có như đã nêu trong Tờ trình.

VI. VỀ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, VIỆC BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

1. Về sự cần thiết của thủ tục hành chính

Trên cơ sở Tờ trình, dự thảo Luật và Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án Luật cho thấy hiện tại dự thảo Luật không tạo ra thủ tục hành chính mới, tên gọi và tính chất của các thủ tục hành chính cơ bản kế thừa quy định hiện hành. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát kỹ các thủ tục hành chính nội bộ có thể phát sinh trong quá trình triển khai dự án Luật, đồng thời tiếp tục rà soát, nghiên cứu cắt giảm, đơn giản hóa tối đa theo các phương án đã được xác định tại Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính để tạo thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ pháp luật cho người dân, doanh nghiệp.

2. Về việc phân quyền, phân cấp

Dự thảo Luật quy định Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư trên phạm vi toàn quốc, đồng thời giao thẩm quyền quản lý luật sư, như: cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư (Điều 11); cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam cho luật sư nước ngoài (Điều 14); cấp, cấp lại, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư (Điều 20); cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép thành lập của tổ chức hành nghề luật

sư nước ngoài tại Việt Nam, chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam (Điều 25); phê duyệt Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam (Điều 27); xem xét, quyết định phê chuẩn kết quả Đại hội Liên đoàn Luật sư Việt Nam (Điều 29); cho ý kiến đối với việc thành lập Đoàn Luật sư (Điều 30);... cho các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Tuy nhiên, Hội đồng thẩm định (trong đó có đại diện Bộ Nội vụ) cho rằng dự thảo Luật quy định về phân quyền cho chủ thể “cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành ở trung ương” và “cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành ở địa phương” là chưa phù hợp với chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 435/TTg-TCCV ngày 25/4/2026 về việc sửa đổi, bổ sung các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bảo đảm theo các nguyên tắc tại Luật Tổ chức Chính phủ, trong đó yêu cầu: “bảo đảm Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực và thực hiện phân công phạm vi quản lý nhà nước cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ”. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định tại các Điều 11, 14, 20, 22, 23, 25, 27, 28, 29, 30, 31 và 34 của dự thảo Luật, chỉ quy định giao cho Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Đồng thời, trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp và yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo chủ trương của Đảng và quy định của Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 137/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025), Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát các quy định về trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan trung ương và địa phương, đặc biệt là với các quy định, giải pháp về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền đã được xác định tại Nghị định số 121/2025/NĐ-CP trong công tác quản lý luật sư để bảo đảm phân định rõ trách nhiệm của từng chủ thể, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ trong quá trình tổ chức thực hiện.

3. Về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Các quy định của dự thảo Luật về ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cơ bản phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số trong quản lý nhà nước và công tác quản lý luật sư. Dự thảo đã bổ sung nhiều nội dung mới như Cơ sở dữ liệu về luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý, cập nhật thông qua phương tiện điện tử và có giá trị pháp lý trong các giao dịch, hoạt động tố tụng. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ chủ thể, trách nhiệm và nguyên tắc cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu nhằm bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

4. Về việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc

Dự thảo Tờ trình chưa đánh giá về việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc. Hội đồng thẩm định chưa phát hiện nội dung ảnh hưởng tới bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo tiếp tục rà soát và đánh giá về sự phù hợp của dự án Luật với yêu cầu bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc (nếu có) và khẳng định nội dung này tại Tờ trình Chính phủ.

VII. VỀ NGÔN NGỮ, THỂ THỨC, KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VĂN BẢN VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO LUẬT

1. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, chỉnh lý dự thảo Luật, Tờ trình và các tài liệu trong hồ sơ dự án Luật Luật sư (sửa đổi) để bảo đảm thống nhất về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Theo đó, cần tiếp tục rà soát tính thống nhất trong việc sử dụng thuật ngữ, khái niệm giữa các điều, khoản của dự thảo Luật và với các luật có liên quan. Đồng thời, đề nghị tiếp tục rà soát kỹ thuật lập pháp đối với các quy định giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp và các cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết nhằm bảo đảm phù hợp với nguyên tắc phân định thẩm quyền, tránh giao quy định chi tiết đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội hoặc những nội dung đã được điều chỉnh bởi các văn bản quy phạm pháp luật khác. Cụ thể như sau:

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bảo đảm tính thống nhất giữa quy định giao Chính phủ quy định chi tiết tại khoản 3 Điều 35 với các quy định giao Chính phủ quy định chi tiết tại từng điều, khoản cụ thể của dự thảo Luật, ví dụ như: khoản 3 Điều 8, khoản 4 Điều 9, khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 14, khoản 2 Điều 15, điểm b khoản 1 Điều 19 và khoản 3 Điều 24 để bảo đảm tính thống nhất, hạn chế việc trùng lặp hoặc không rõ phạm vi nội dung được giao, gây khó khăn trong quá trình xác định căn cứ ban hành văn bản quy định chi tiết.

- Đề nghị rà soát toàn bộ dự thảo Luật: **(i)** thay thế cụm từ “Trưởng văn phòng luật sư” và “Giám đốc công ty luật trách nhiệm hữu hạn” bằng “Người đứng đầu văn phòng luật sư” và “Người đứng đầu công ty luật” hoặc tên gọi khác tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 19, khoản 1 và khoản 4 Điều 20 nhằm bảo đảm bao quát mọi chủ thể, đối tượng và thống nhất với cách quy định về người đại diện, người quản lý của tổ chức hành nghề luật sư; **(ii)** thay thế cụm từ “xử lý hành chính” tại Điều 34 về xử lý vi phạm đối với luật sư, tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam,

tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam nhằm bảo đảm thống nhất với tên điều và nội dung quy định; (iii) thay thế cụm từ “sĩ quan bị buộc thôi việc” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 10 Dự thảo Luật để bảo đảm thống nhất với các hình thức kỷ luật theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam; (iv) Bổ sung hình thức “văn bản khác” bên cạnh nghị quyết, quyết định, nội quy của Đoàn Luật sư tại khoản 13 Điều 28 và khoản 5 Điều 30 Dự thảo Luật để bảo đảm tính bao quát, đầy đủ các hình thức văn bản do Đoàn Luật sư ban hành.

- Đề nghị chỉnh lý khoản 1 Điều 35 Dự thảo Luật theo hướng Luật Luật sư số 65/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

- Đề nghị tiếp tục rà soát các quy định viện dẫn, dẫn chiếu, các điều khoản chuyên tiếp, việc sử dụng từ ngữ, câu chữ và kỹ thuật trình bày trong toàn bộ dự thảo Luật để bảo đảm tính chính xác, rõ ràng, dễ hiểu, thống nhất và thuận lợi trong quá trình áp dụng, thi hành. Các số liệu được sử dụng trong Tờ trình, Báo cáo tổng kết thi hành Luật Luật sư và các tài liệu khác trong hồ sơ cần được trích dẫn nguồn, bảo đảm tính chính xác, thống nhất giữa các tài liệu và cơ quan chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu được sử dụng.

2. Về trình tự, thủ tục soạn thảo Luật

- Dự thảo Luật được xây dựng theo trình tự, thủ tục thông thường. Qua rà soát, cơ quan chủ trì soạn thảo đã có Công văn số 3539/BTP-BTTP ngày 22/5/2026 và Công văn số 3777/BTP-BTP ngày 30/5/2026 về việc lấy ý kiến Liên đoàn Luật sư Việt Nam và các tổ chức hành nghề luật sư đối với hồ sơ dự thảo Luật Luật sư (sửa đổi) và đã đăng tải hồ sơ dự án để lấy ý kiến công khai từ ngày 23/5/2026 trên Cổng Pháp luật quốc gia. Do đó, để bảo đảm chất lượng của hồ sơ dự án Luật cũng như bảo đảm việc lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp được tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu đầy đủ, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục lấy ý kiến, bảo đảm đủ thời hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong “*trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tham gia góp ý kiến*” và “*Đăng tải hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo và Cổng Pháp luật quốc gia trong thời gian ít nhất là 20 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến*”. Sau khi kết thúc thời gian lấy ý kiến, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục tiếp nhận, tổng hợp và nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân và thể hiện vào Bản tổng hợp ý kiến trước khi trình Chính phủ hồ sơ dự án Luật. Cùng với đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

- Trong Báo cáo của Việt Nam về việc gia nhập WTO – WT/ACC/VNM/48, tại đoạn 518 mục Minh bạch (Transparency) quy định: *“Đối với các dự thảo luật, pháp lệnh, nghị định và các quy định, biện pháp khác do Quốc hội và Chính phủ ban hành liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến thương mại hàng hóa, dịch vụ và sở hữu trí tuệ, Việt Nam sẽ dành một khoảng thời gian hợp lý, cụ thể là không ít hơn 60 ngày, để các Thành viên, cá nhân, hiệp hội và doanh nghiệp đóng góp ý kiến cho các cơ quan có thẩm quyền trước khi các biện pháp đó được thông qua”*; đoạn 519 cũng có quy định về nghĩa vụ thông báo các luật, quy định hoặc biện pháp sau khi được ban hành nếu có các yêu cầu ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ thuộc phạm vi cam kết cụ thể của từng thành viên. Theo đó, Hội đồng thẩm định thấy rằng dịch vụ pháp lý được xác định là một phân ngành dịch vụ đã được Việt Nam cam kết tại WTO theo Biểu cam kết cụ thể về dịch vụ của Việt Nam tại WTO – WT/ACC/VNM/48/Add.2 (CPC 861). Trên cơ sở đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp với Bộ Ngoại giao thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, cam kết quốc tế trong quá trình hoàn thiện và sau khi ban hành Luật Luật sư (sửa đổi) để bảo đảm phù hợp tối đa với yêu cầu trong các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

VIII. MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC

1. Về phạm vi điều chỉnh, nguyên tắc áp dụng pháp luật và quan hệ với pháp luật chuyên ngành (Điều 1, khoản 4 Điều 35)

Điều 1 Dự thảo Luật quy định: *“Luật này quy định về nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện, phạm vi, hình thức hành nghề, quyền, nghĩa vụ của luật sư, luật sư tập sự, tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, quản lý luật sư và hành nghề luật sư, hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài tại Việt Nam”*; khoản 4 Điều 35 Dự thảo Luật quy định: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và luật khác về các vấn đề quy định tại Điều 1 của Luật này thì thực hiện theo quy định của Luật này”*.

Hội đồng thẩm định thấy rằng quy định ưu tiên áp dụng Luật Luật sư là chưa phù hợp. Theo đó, khoản 4 Điều 35 dự thảo Luật quy định trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và luật khác về các vấn đề quy định tại Điều 1 thì thực hiện theo quy định của Luật này là chưa thật sự cần thiết do Điều 1 dự thảo Luật là quy định xác định phạm vi điều chỉnh của Luật Luật sư. Mặt khác, do phạm vi Điều 1 được thiết kế bao quát nhiều nội dung và có thể dẫn đến xung đột với các quy định khác tại các văn bản luật chuyên ngành. Cụ thể, cách quy định này có thể dẫn đến cách hiểu Luật Luật sư được ưu tiên áp dụng trong mọi quan hệ pháp luật có liên quan đến luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, kể cả những vấn đề không mang tính đặc thù nghề nghiệp và đã được luật chuyên ngành khác điều chỉnh. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, cân nhắc nội dung quy định tại khoản 4 Điều 35.

2. Các khái niệm được giải thích tại dự thảo Luật (Điều 2)

- Khoản 1 Điều 2 Dự thảo Luật quy định: “*Luật sư là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật này, đã gia nhập Đoàn Luật sư và được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư*”. Hội đồng thẩm định thấy rằng khái niệm Luật sư được quy định tại khoản 1 Điều 2 Dự thảo Luật mới chỉ phản ánh góc độ quản lý nhà nước mà chưa thể hiện đầy đủ bản chất nghề nghiệp và địa vị pháp lý đặc thù của người hành nghề luật sư. Mặt khác, để được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư, theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Dự thảo Luật thì người có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật này đã gia nhập Đoàn Luật sư để tập sự hành nghề luật sư. Do đó, Hội đồng thẩm định thấy rằng quy định này chưa bảo đảm thống nhất với các quy định về Tập sự hành nghề luật sư, Kỳ thi quốc gia về luật sư trong Dự thảo Luật. Trường hợp người tập sự hành nghề luật sư đã phải gia nhập Đoàn Luật sư trước khi được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư thì yếu tố “đã gia nhập Đoàn Luật sư” không còn là dấu hiệu đặc thù để xác định tư cách luật sư. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu, quy định rõ hơn vai trò, chức năng và tính chất đặc thù để xác định đầy đủ khái niệm của luật sư.

- Khoản 2 Điều 2 Dự thảo Luật quy định: “*Luật sư tập sự là người có Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư hoặc quyết định công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài, đã gia nhập Đoàn Luật sư để tập sự hành nghề luật sư*”. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 9 quy định: “*Người đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 7 của Luật này thì được gia nhập Đoàn Luật sư để tập sự hành nghề luật sư*”, đồng thời căn cứ các quy định tại Điều 7 và 8 về tiêu chuẩn luật sư và đào tạo nghề luật sư thì chưa có căn cứ thể hiện người có quyết định công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài được gia nhập Đoàn Luật sư để tập sự hành nghề luật sư. Mặt khác, quy định tại khoản 2 Điều 2 cũng có thể dẫn đến cách hiểu khác theo hướng Luật sư tập sự là người có Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài hoặc quyết định công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát khái niệm “Luật sư tập sự” để bảo đảm thống nhất với các quy định khác của dự thảo.

- Khoản 3 Điều 2 Dự thảo Luật quy định: “*Luật sư nước ngoài là người có đủ tiêu chuẩn hành nghề theo quy định của Luật này và được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam*”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý quy định trên theo hướng xác định cụ thể Luật sư nước ngoài là người có đủ điều kiện hành nghề theo quy định tại Điều 13 của Luật này để bảo đảm tính thống nhất, hạn chế việc phát sinh cách hiểu khác theo hướng Luật sư nước ngoài là người có đủ tiêu chuẩn hành nghề được quy định tại Điều 7 (Tiêu chuẩn luật sư), trong đó bao gồm các tiêu chuẩn là công dân Việt Nam, trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có bản lĩnh chính trị vững vàng,...

- Khoản 4 Điều 2 Dự thảo Luật quy định: “*Dịch vụ pháp lý bao gồm tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng, tư vấn pháp luật và dịch vụ pháp lý khác được quy định tại Luật này*”. Hội đồng thẩm định thấy rằng việc quản lý chặt chẽ hoạt động cung cấp dịch vụ pháp lý, hạn chế cá nhân, tổ chức không đủ điều kiện hành nghề luật sư quảng bá, giới thiệu, sử dụng tên gọi gây nhầm lẫn, mạo danh luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, cung cấp dịch vụ pháp lý có thu thù lao là cần thiết. Tuy nhiên, hoạt động “dịch vụ pháp lý khác” tại dự thảo Luật và giải thích tại khoản 4 Điều 2 của dự thảo hiện chưa được xác định rõ nội hàm, phạm vi, do đó có thể làm phát sinh chông chéo, ảnh hưởng đến các dịch vụ chuyên ngành khác đang được pháp luật điều chỉnh, ví dụ như các dịch vụ tư vấn, đại diện, hỗ trợ chuyên môn trong lĩnh vực thuế, hải quan, kế toán, kiểm toán,... Đồng thời, cần tránh quy định có thể dẫn đến cách hiểu mọi hoạt động cung cấp dịch vụ pháp lý (tư vấn, đại diện, hỗ trợ chuyên môn có yếu tố pháp luật,...) đều phải do luật sư hoặc tổ chức hành nghề luật sư thực hiện. Do đó, đề nghị rà soát lại nội dung về “dịch vụ pháp lý” để bảo đảm rõ nội hàm. Trên cơ sở đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý khoản 3 Điều 6 dự thảo Luật theo hướng bổ sung nguyên tắc loại trừ, bảo đảm các cá nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn, đại diện, hỗ trợ chuyên môn theo quy định của pháp luật chuyên ngành không bị coi là hành vi cung cấp dịch vụ pháp lý trái phép nếu chủ thể đó đáp ứng điều kiện hoạt động theo pháp luật chuyên ngành và không mạo danh luật sư.

3. Chính sách quản lý và phát triển nghề luật sư (Điều 5)

Tại khoản 6, 7 và 8 Điều 5 Dự thảo Luật quy định Nhà nước có chính sách để “*phát triển đội ngũ luật sư Việt Nam phục vụ hội nhập quốc tế và hỗ trợ Chính phủ trong giải quyết tranh chấp quốc tế; hỗ trợ luật sư Việt Nam tham gia các chương trình đào tạo và dự thi để được cấp chứng chỉ hành nghề luật sư ở nước ngoài; thu hút người Việt Nam hành nghề luật sư ở nước ngoài trở thành luật sư Việt Nam; hỗ trợ phát triển luật sư tại khu vực khó khăn, vùng sâu, vùng xa*”; “*xây dựng, quản lý, chia sẻ cơ sở dữ liệu luật sư với cơ sở dữ liệu khác; khuyến khích ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động luật sư*” và “*bảo đảm để luật sư thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động hành nghề luật sư*” và giao Chính phủ quy định chi tiết (khoản 4 Điều 35).

Hội đồng thẩm định thấy rằng nội dung quy định tại khoản 6, 7 và 8 nêu trên chưa bảo đảm thống nhất với tên Điều 5 (Quản lý luật sư và hành nghề luật sư). Mặt khác, việc quy định không rõ chính sách hỗ trợ trong dự thảo Luật và giao Chính phủ quy định chi tiết có thể dẫn đến khó khăn trong quá trình xây dựng văn bản quy định chi tiết do việc thực hiện các chính sách này phụ thuộc vào yêu cầu thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ. Mặt khác, cơ quan chủ trì soạn thảo chưa thuyết minh, làm rõ nội dung của các chính sách nêu

trên và nguồn kinh phí thực hiện. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bổ sung thuyết minh và đánh giá tính cần thiết của các nội dung trên.

4. Các tiêu chuẩn luật sư và điều kiện hành nghề luật sư (Điều 7, 8 và 9)

- Điều 7 Dự thảo Luật quy định tiêu chuẩn luật sư, trong đó bao gồm: “...*có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, kiên quyết bảo vệ công lý, liêm chính và trung thực*”. Việc quy định tiêu chuẩn bản lĩnh chính trị vững vàng là tiêu chuẩn mới được bổ sung nhằm thể chế hóa yêu cầu tại Kết luận số 69-KL/TW ngày 24/02/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 30/3/2009 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của luật sư. Đồng thời, qua rà soát cho thấy tiêu chuẩn về “bản lĩnh chính trị” cũng đã được quy định đối với thẩm phán, kiểm sát viên tại Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân. Tuy nhiên, Hội đồng thẩm định thấy rằng thẩm phán, kiểm sát viên là chức danh tư pháp trong bộ máy nhà nước, được tuyển chọn, bổ nhiệm để thực hiện quyền lực nhà nước trong hoạt động xét xử, thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, trong khi đó luật sư là chủ thể hành nghề độc lập, cung cấp dịch vụ pháp lý nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và góp phần bảo vệ công lý. Mặt khác, nội hàm của tiêu chuẩn “bản lĩnh chính trị vững vàng” trong dự thảo Luật chưa được làm rõ, có thể gây khó khăn trong việc xác định tiêu chí kiểm tra, đánh giá và dẫn đến cách hiểu, áp dụng không thống nhất. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, làm rõ cơ sở chính trị, pháp lý, thực tiễn của việc bổ sung tiêu chuẩn này, đồng thời bổ sung thuyết minh đầy đủ tại Tờ trình và các tài liệu có liên quan.

- Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, phân định rõ giữa “tiêu chuẩn luật sư” và “điều kiện hành nghề luật sư”. Qua rà soát, dự thảo Luật hiện sử dụng đồng thời các thuật ngữ “điều kiện hành nghề luật sư” (tại khoản 3 Điều 6), “tiêu chuẩn luật sư” (tại các Điều 7, 9, 10 và 11) và “tiêu chuẩn hành nghề” (tại các Điều 13, 14 và 25). Hội đồng thẩm định thấy rằng tiêu chuẩn luật sư cần được xác định là các yêu cầu về phẩm chất, năng lực, trình độ và trách nhiệm nghề nghiệp mà luật sư phải đáp ứng thường xuyên trong quá trình hành nghề. Trong khi đó, điều kiện hành nghề là các yêu cầu cụ thể làm căn cứ để xác định cá nhân được hành nghề luật sư hoặc được cấp, cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam đối với luật sư nước ngoài. Do đó, đề nghị rà soát, chỉnh lý Điều 7 theo hướng xác định rõ tiêu chuẩn hành nghề luật sư và điều kiện hành nghề luật sư, đồng thời rà soát các quy định có liên quan để bảo đảm sử dụng thuật ngữ thống nhất.

- Về điều kiện tập sự hành nghề luật sư, hiện nay dự thảo Luật chỉ quy định: “*Người đáp ứng tiêu chuẩn...thì được gia nhập Đoàn Luật sư để tập sự hành nghề luật sư*”. Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, cân nhắc

quy định cụ thể về việc không cho phép những người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, người chưa được xóa án tích hoặc người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính tham gia tập sự hành nghề.

- Về việc miễn, giảm thời gian đào tạo nghề luật sư, khoản 3 Điều 8 dự thảo Luật quy định: “Việc miễn, giảm thời gian đào tạo nghề luật sư đối với người có kiến thức, kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật được thực hiện theo quy định của Chính phủ”. Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, cân nhắc sự cần thiết của việc quy định nhóm đối tượng “người có kiến thức, kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật” do đã giao Chính phủ quy định chi tiết nhóm đối tượng được miễn, giảm thời gian đào tạo nghề luật sư. Trường hợp tiếp tục giữ quy định này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ nội hàm của cụm từ “người có kiến thức, kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật”, đồng thời xác định các tiêu chí cơ bản để xác định yếu tố kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật nhằm bảo đảm tính minh bạch, khả thi và thống nhất trong quá trình áp dụng.

- Khoản 2 Điều 8 Dự thảo Luật quy định: “*Thời gian đào tạo nghề luật sư là 12 tháng, trừ trường hợp được miễn, giảm thời gian đào tạo*”. Hội đồng thẩm định thấy rằng việc quy định phương án “*giảm thời gian đào tạo*” là chưa hoàn toàn hợp lý, có thể dẫn đến cách hiểu đây là cơ chế rút ngắn thời lượng đào tạo trên cơ sở xem xét, quyết định trong từng trường hợp cụ thể, từ đó có thể gây khó khăn, thiếu thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý theo phương án giao Chính phủ quy định chi tiết về các chương trình đào tạo nghề luật sư với thời lượng khác nhau, phù hợp với từng nhóm đối tượng, điều kiện và yêu cầu đào tạo để vừa bảo đảm tính rõ ràng và tính khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện.

5. Về thời điểm gia nhập đoàn luật sư (Điều 9 và 12)

Khoản 1 Điều 9 Dự thảo Luật quy định: “*Người đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 7 của Luật này thì được gia nhập Đoàn Luật sư để tập sự hành nghề luật sư*”. Theo quy định trên, việc gia nhập Đoàn luật sư được hiểu là điều kiện để một người bắt đầu giai đoạn tập sự, khi người đó chưa hoàn thành tập sự, chưa đạt yêu cầu kỳ thi quốc gia về luật sư và chưa đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn luật sư theo khoản 4 Điều 7 của dự thảo. Trong khi đó, Điều 12 Dự thảo Luật quy định nghĩa vụ của Luật sư, trong đó bao gồm nghĩa vụ gia nhập Đoàn luật sư (Điểm a khoản 2) và do đó, việc gia nhập Đoàn luật sư được hiểu là nghĩa vụ phát sinh đối với người đã là luật sư.

Như vậy, theo các quy định nêu trên, Hội đồng thẩm định thấy rằng cùng một yêu cầu về việc “gia nhập Đoàn luật sư” vừa được quy định như điều kiện để bắt đầu tập sự tại Điều 9, vừa được quy định là nghĩa vụ của luật sư tại Điều 12 có thể dẫn đến cách hiểu không thống nhất về thời điểm xác lập tư cách thành

viên Đoàn luật sư. Trường hợp gia nhập Đoàn luật sư là nghĩa vụ của luật sư thì nghĩa vụ này phát sinh sau khi một người đã được xác định là luật sư hay phát sinh từ khi người này mới là luật sư tập sự? Mặt khác, dự thảo cũng chưa làm rõ trường hợp người đã hoàn thành đầy đủ các tiêu chuẩn của luật sư theo quy định tại Điều 7 nhưng chưa gia nhập Đoàn luật sư thì đã được coi là luật sư hay mới chỉ là người đủ điều kiện để được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, quy định rõ việc gia nhập Đoàn luật sư là điều kiện để tập sự hành nghề luật sư hay điều kiện để được công nhận là luật sư nhằm bảo đảm tính thống nhất giữa các quy định của dự thảo Luật.

6. Kỳ thi quốc gia về luật sư (Điều 10)

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bổ sung thuyết minh đầy đủ về quy định kỳ thi quốc gia về luật sư, trong đó làm rõ cơ sở chính trị, pháp lý và yêu cầu thực tiễn của quy định “Kỳ thi quốc gia về luật sư” tại dự thảo Tờ trình, trong đó nhấn mạnh yêu cầu thể chế hóa Kết luận số 69-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của luật sư, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ luật sư, chuẩn hóa điều kiện hành nghề và tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động luật sư; làm rõ vai trò của cơ quan quản lý nhà nước trong việc công nhận kết quả kỳ thi và cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư sau khi kết thúc kỳ thi theo hướng kết quả kỳ thi quốc gia là căn cứ trực tiếp để xem xét, cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư cho người đạt yêu cầu, qua đó giảm bớt thủ tục trung gian, rút ngắn quy trình cấp chứng chỉ, bảo đảm công khai, minh bạch, thống nhất và thuận lợi trong tổ chức thực hiện.

7. Các quyền và nghĩa vụ của luật sư (Điều 12)

- Điểm e khoản 2 Điều 12 Dự thảo Luật quy định Luật sư có nghĩa vụ: *“Không được tiết lộ thông tin về vụ việc, về khách hàng mà mình biết được trong khi hành nghề, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý bằng văn bản hoặc trường hợp pháp luật có quy định khác”*. Đối với nội dung này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý theo hướng xác định rõ phạm vi thông tin luật sư có nghĩa vụ bảo mật, thông tin liên quan đến vụ việc luật sư thực hiện, thông tin do khách hàng cung cấp hoặc thông tin mà luật sư biết được trong quá trình hành nghề có ảnh hưởng, tác động trực tiếp đến khách hàng để bảo đảm phù hợp với tính chất của nghĩa vụ bảo mật trong hoạt động hành nghề luật sư; hạn chế việc quy định theo hướng luật sư không được tiết lộ mọi thông tin “về khách hàng” mà mình biết được trong khi hành nghề có phạm vi tương đối rộng, có thể bao gồm cả những thông tin công khai, thông tin không liên quan đến vụ việc hoặc không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng, từ đó gây khó khăn trong quá trình hành nghề và áp dụng quy định của pháp luật.

- Điểm h khoản 2 Điều 12 của Dự thảo Luật quy định nghĩa vụ: “*Tham gia bồi dưỡng bắt buộc về chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp, nhận thức chính trị của luật sư*”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý quy định trên theo hướng quy định nghĩa vụ “tham gia bồi dưỡng” thay thế “bồi dưỡng bắt buộc” để bảo đảm phù hợp hơn với tính chất tự giác, trách nhiệm nghề nghiệp của luật sư thay vì chỉ nhấn mạnh yếu tố bắt buộc mang tính chất hành chính.

- Bên cạnh đó, về bảo đảm quyền hành nghề của luật sư, đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát các cam kết và chuẩn mực quốc tế liên quan đến nghề luật sư, trong đó có Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) và Tuyên bố Havana về các nguyên tắc cơ bản đối với vai trò của luật sư. Theo đó, cần thể hiện rõ hơn trong dự thảo Luật nguyên tắc bảo đảm tính bí mật trong trao đổi giữa luật sư và khách hàng. Đây là một trong những yếu tố quan trọng tạo dựng niềm tin cho nhà đầu tư và khách hàng quốc tế khi sử dụng dịch vụ pháp lý tại Việt Nam. Thực tiễn cho thấy nhiều khách hàng nước ngoài vẫn còn băn khoăn về mức độ bảo mật thông tin khi làm việc với luật sư Việt Nam. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, quy định rõ hơn quyền được bảo đảm bí mật thông tin của luật sư tại Điều 12 của dự thảo Luật.

8. Về các tiêu chuẩn, điều kiện và phạm vi hành nghề của luật sư nước ngoài tại Việt Nam (Điều 13 và 14)

- Điều 13 dự thảo Luật quy định về tiêu chuẩn hành nghề của luật sư nước ngoài tại Việt Nam theo hướng luật sư nước ngoài đáp ứng đủ các tiêu chuẩn thì được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam. Đồng thời, khoản 1 Điều 14 Dự thảo Luật tiếp tục quy định luật sư nước ngoài muốn hành nghề tại Việt Nam phải được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam. Trên cơ sở các quy định trên, Hội đồng thẩm định thấy rằng Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam được quy định tại Điều 13 là hệ quả pháp lý của việc đáp ứng tiêu chuẩn hành nghề, trong khi đó theo quy định tại Điều 14 là điều kiện bắt buộc để luật sư nước ngoài được hành nghề tại Việt Nam. Cách quy định này dẫn đến trùng lặp về nội dung và có thể gây khó khăn trong việc xác định phạm vi điều chỉnh của từng điều. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu, chỉnh lý quy định tại Điều 13 theo hướng xác định rõ các điều kiện để luật sư nước ngoài được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam; tại Điều 14 chỉ quy định về thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam và các vấn đề quản lý giấy phép sau khi được cấp, nhằm bảo đảm tính thống nhất, minh bạch và tránh trùng lặp trong Dự thảo Luật.

- Về phạm vi hành nghề của luật sư nước ngoài tại Việt Nam, điểm b khoản 2 Điều 16 dự thảo Luật quy định Luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam được hành nghề trong phạm vi: “*Tư vấn pháp luật Việt Nam trong trường hợp có bằng cử nhân luật của Việt Nam và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đối với luật sư Việt*

Nam”. Theo đó, tại Điều 7 dự thảo Luật quy định về tiêu chuẩn của luật sư có tiêu chuẩn: “Là công dân Việt Nam, trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, kiên quyết bảo vệ công lý, liêm chính và trung thực”. Như vậy, việc dẫn chiếu theo hướng luật sư nước ngoài phải “đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đối với luật sư Việt Nam” có thể không bảo đảm tính khả thi trong quá trình áp dụng bởi tiêu chuẩn luật sư tại Điều 7 dự thảo Luật bao gồm cả tiêu chuẩn về quốc tịch Việt Nam, trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có bản lĩnh chính trị vững vàng. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý theo hướng không dẫn chiếu chung mà xác định rõ những tiêu chuẩn, điều kiện nào của luật sư Việt Nam cần được áp dụng đối với luật sư nước ngoài nhằm bảo đảm tính minh bạch, khả thi, phù hợp với tính chất hành nghề của luật sư nước ngoài tại Việt Nam.

9. Về việc cung cấp dịch vụ pháp lý của luật sư (Điều 18)

Khoản 1 Điều 18 Dự thảo Luật quy định: “*Luật sư, tổ chức hành nghề luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý có thu thù lao theo hợp đồng dịch vụ pháp lý ký với khách hàng. Hợp đồng dịch vụ pháp lý phải được lập thành văn bản và được ký trước khi luật sư, tổ chức hành nghề luật sư thực hiện dịch vụ, trừ trường hợp cấp bách để bảo vệ quyền lợi của khách hàng thì có thể thỏa thuận bằng lời nói nhưng phải được lập thành văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận vụ việc*”. Đối với nội dung này, Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý khoản 1 Điều 18 theo hướng quy định rõ hợp đồng dịch vụ pháp lý không áp dụng đối với cá nhân luật sư làm việc trong tổ chức hành nghề luật sư để bảo đảm xác định đúng chủ thể tham gia hợp đồng.

10. Hoạt động của luật sư hành nghề với tư cách cá nhân (Điều 23)

Khoản 1 Điều 23 Dự thảo Luật quy định: “*Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân là luật sư làm việc theo hợp đồng lao động cho một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức không phải là tổ chức hành nghề luật sư; trường hợp làm việc theo hợp đồng lao động cho nhiều cơ quan, tổ chức thì phải được sự đồng ý của cơ quan, tổ chức đã ký hợp đồng lao động*”. Qua rà soát, quy định yêu cầu phải có sự đồng ý của cơ quan, tổ chức đã ký hợp đồng lao động trong trường hợp luật sư làm việc cho nhiều cơ quan, tổ chức là chưa thật sự hợp lý. Việc ký kết hợp đồng lao động với một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi thỏa thuận hợp đồng và phải được điều chỉnh trên cơ sở quy định của pháp luật lao động, pháp luật về luật sư và Bộ quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư.

11. Về các nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức cơ quan của Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Đoàn Luật sư (Điều 27, 28 và 29)

- Khoản 4 Điều 28 dự thảo Luật quy định Liên đoàn Luật sư Việt Nam có nhiệm vụ “*tổ chức đào tạo nghề luật sư*”. Tuy nhiên, đào tạo nghề luật sư là nội dung liên quan trực tiếp đến điều kiện gia nhập nghề, chất lượng đội ngũ luật sư, chương trình đào tạo, tiêu chuẩn cơ sở đào tạo, đội ngũ giảng viên, kiểm tra, đánh giá và công nhận kết quả đào tạo. Đây không chỉ là hoạt động nội bộ của tổ chức xã hội - nghề nghiệp luật sư mà còn là nội dung cần có sự quản lý thống nhất của Nhà nước. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý theo hướng Liên đoàn Luật sư Việt Nam tổ chức đào tạo nghề luật sư theo quy định của Chính phủ, nhằm bảo đảm có căn cứ pháp lý đầy đủ để quy định chi tiết về điều kiện, trình tự, thủ tục, chương trình, tiêu chuẩn và cơ chế kiểm soát chất lượng đào tạo, bảo đảm tính khả thi khi tổ chức thi hành.

- Khoản 9 Điều 28 dự thảo Luật quy định Liên đoàn Luật sư Việt Nam có nhiệm vụ “*quy định mẫu trang phục luật sư tham gia phiên tòa*”. Qua rà soát, đây là nội dung mang tính nghiệp vụ, tổ chức nội bộ và có thể được điều chỉnh bằng Điều lệ của Liên đoàn Luật sư Việt Nam, không nhất thiết phải luật hóa trong Luật. Do đó, đề nghị cân nhắc không quy định nội dung này trong Luật.

- Khoản 10 Điều 28 dự thảo Luật quy định Liên đoàn Luật sư Việt Nam có nhiệm vụ “*quy định việc miễn, giảm thù lao luật sư*”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát nội dung này để bảo đảm đúng thẩm quyền và phù hợp với bản chất của quan hệ dịch vụ pháp lý. Thù lao luật sư là nội dung thuộc quan hệ giữa luật sư, tổ chức hành nghề luật sư với khách hàng, được xác lập chủ yếu trên cơ sở thỏa thuận, phù hợp với tính chất của hợp đồng dịch vụ pháp lý. Mặt khác, khoản 3 Điều 18 Dự thảo Luật đã quy định các phương thức tính thù lao của vụ việc. Do đó, việc tiếp tục giao Liên đoàn Luật sư Việt Nam quy định việc miễn, giảm thù lao luật sư có thể dẫn đến chồng lấn, thiếu rõ ràng về mặt thẩm quyền và có thể tác động đến quyền thỏa thuận của các bên.

- Đồng thời, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn. Qua rà soát, Điều 29 và Điều 32 của Dự thảo Luật đang quy định tương đối chi tiết về tổ chức các cơ quan của Liên đoàn Luật sư Việt Nam và Đoàn Luật sư. Đây là những nội dung chủ yếu liên quan đến tổ chức nội bộ, phương thức vận hành và cơ chế tự quản nghề nghiệp, có thể thay đổi tùy theo yêu cầu quản trị, quy mô thành viên, điều kiện hoạt động của từng giai đoạn. Do đó, đề nghị cân nhắc chỉ quy định trong Luật những nguyên tắc cơ bản về vị trí, tính chất, mô hình tổ chức và trách nhiệm của Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Đoàn Luật sư, còn cơ cấu cụ thể, nhiệm vụ của từng cơ quan nội bộ, quy trình làm việc, chế độ sinh hoạt và quan hệ phối hợp nội bộ thì giao Chính phủ quy định chi tiết hoặc để Điều lệ Liên đoàn Luật

sư Việt Nam, nội quy, quy chế của Đoàn Luật sư điều chỉnh, bảo đảm phù hợp với tính chất tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp luật sư và hạn chế tình trạng luật hóa các nội dung quá chi tiết, thiếu linh hoạt.

12. Về xử lý kỷ luật đối với Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư

Qua rà soát, Hội đồng thẩm định nhận thấy Dự thảo Luật chưa có quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, cơ chế và phương án xử lý đối với trường hợp toàn bộ thành viên Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư có hành vi vi phạm, thuộc diện phải xem xét xử lý kỷ luật hoặc xử lý trách nhiệm theo quy định. Cụ thể, trường hợp toàn bộ thành viên Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư đều là chủ thể bị xem xét xử lý kỷ luật thì Ban Chủ nhiệm không còn bảo đảm điều kiện về tính khách quan, độc lập để tự xem xét, quyết định hoặc tổ chức quy trình xử lý kỷ luật theo thẩm quyền. Mặt khác, đây cũng đã được xác định là khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật gây ra được xác định tại Phụ lục I.14.3.B kèm theo Báo cáo số 594/BC-BTP ngày 15/10/2025 của Bộ Tư pháp về kết quả hoàn thiện pháp luật để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật và Báo cáo số 76-BC/ĐU ngày 02/8/2025 của Đảng ủy Bộ Tư pháp về kết quả rà soát, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật và đã được xác định phương án xử lý theo hướng quy định tại Luật Luật sư (sửa đổi). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung phương án xử lý trong trường hợp toàn bộ thành viên Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư là đối tượng bị xem xét xử lý kỷ luật.

13. Về phạm vi nội dung giao quy định chi tiết (Điều 35)

Khoản 3 Điều 35 Dự thảo Luật quy định: *“Chính phủ quy định chi tiết các Điều 5, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 14, 19, 20, 24, 25, 29 và 32 của Luật này và hướng dẫn thi hành Luật này; quy định việc đình chỉ thi hành và yêu cầu sửa đổi những quy định, quyết định, nghị quyết, nội quy của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư trái với quy định của pháp luật”*. Tuy nhiên, qua rà soát, Hội đồng thẩm định nhận thấy các Điều 11, 14 và 20 của Dự thảo Luật có nội dung liên quan trực tiếp đến việc thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư, Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam của luật sư nước ngoài và Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư. Đây là những vấn đề có khả năng làm hạn chế quyền hành nghề, quyền tự do kinh doanh và các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Trong khi đó, Điều 10 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Quốc hội ban hành luật để quy định việc hạn chế quyền con người, quyền công dân. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, quy định cụ thể trong Luật các căn cứ thu hồi đối với các loại giấy tờ nêu trên, chỉ giao Chính phủ quy định chi tiết đối với các vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động như trình tự, thủ tục thu hồi,... nhằm bảo đảm phù hợp với thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội và Chính phủ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

14. Về điều khoản chuyển tiếp

Khoản 1 Điều 36 Dự thảo về điều khoản chuyển tiếp quy định: “*Kể từ ngày Luật này có hiệu lực, người tập sự hành nghề luật sư theo quy định của Luật Luật sư số 65/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 20/2012/QH13 được tiếp tục tập sự hành nghề luật sư theo quy định của Luật này. Thời gian đã tập sự được tính vào thời gian tập sự hành nghề luật sư theo quy định của Luật này*”. Hội đồng thẩm định thấy rằng việc tiếp tục yêu cầu người tập sự hành nghề luật sư theo quy định của Luật Luật sư năm 2006 là chưa phù hợp. Việc bổ sung quy định về luật sư tập sự nhằm bảo đảm chất lượng luật sư, áp dụng thống nhất và là công cụ để sàng lọc đội ngũ luật sư, ngay từ khâu tập sự hành nghề luật sư. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý quy định trên theo hướng kể từ ngày Luật Luật sư (sửa đổi) có hiệu lực, người tập sự hành nghề luật sư theo quy định của Luật Luật sư năm 2006 được trở thành luật sư tập sự theo quy định của Luật mới.

IX. KẾT LUẬN

Căn cứ hồ sơ gửi thẩm định và ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến nêu tại Báo cáo thẩm định này (và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, các ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân) để hoàn thiện hồ sơ dự án Luật; trong đó cần tập trung hoàn thiện một số nội dung sau đây:

(i) Bổ sung và phân tích đầy đủ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý của việc xây dựng Luật trên cơ sở các chủ trương, định hướng mới của Đảng, đặc biệt là yêu cầu của Kết luận số 69-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của Luật sư; đồng thời bổ sung số liệu, dẫn chứng thực tiễn làm rõ những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình thi hành Luật Luật sư năm 2006.

(ii) Rà soát các quy định về luật sư tập sự để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định của pháp luật tố tụng, đặc biệt là đối với các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính; đồng thời làm rõ trách nhiệm hướng dẫn của luật sư hướng dẫn để bảo đảm tối đa quyền lợi của luật sư tập sự.

(iii) Rà soát toàn bộ dự thảo Luật nhằm bảo đảm tuân thủ nguyên tắc phân định thẩm quyền giữa Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và chính quyền địa phương; bảo đảm Luật chỉ quy định những vấn đề mang tính nguyên tắc, ổn định, lâu dài, thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội; đồng thời phù hợp với yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 435/TTg-TCCV ngày 25/4/2026.

(iv) Đánh giá nguồn nhân lực, nguồn tài chính và các điều kiện bảo đảm thi hành; làm rõ tính khả thi của việc thực hiện trong bối cảnh sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và chủ trương tinh giản biên chế, chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

(v) Tiếp tục hoàn thiện dự thảo Luật và các tài liệu trong hồ sơ dự án Luật về ngôn ngữ, kỹ thuật lập pháp, kỹ thuật giao quy định chi tiết, tính thống nhất của hệ thống thuật ngữ, số liệu và căn cứ được sử dụng trong hồ sơ; đồng thời nghiên cứu tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến tham gia của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức và các thành viên Hội đồng thẩm định.

Trên cơ sở đó, Hội đồng thẩm định xác định dự thảo Luật đủ điều kiện trình Chính phủ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự án Luật Luật sư (sửa đổi), Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để ph/h);
- Thứ trưởng Nguyễn Thanh Tú (để biết);
- Cục Hỗ trợ tư pháp (để ph/h thực hiện);
- Công TTĐT Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, CTXDVBQPPL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Đặng Hoàng Oanh